

Bản án số: 33/2020/HSST

Ngày: 18/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hệ.

2. Bà Vũ Thị Thùy Đông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quyết Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/HSST- QĐ ngày 06/8/2020 với bị cáo:

*** Bị cáo: Lương Anh T** (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1983; HKTT: thôn A, xã Nh, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở: Phòng 404/M1, Chung cư PH, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; TĐVH: 12/12; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lương Văn Th, sinh năm 1961 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1960; vợ là Nguyễn Thị Tuyết M và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Hưng Yên “có mặt”.

*** Người bị hại:** chị **Đào Thị Tr**, sinh năm 1977; HKTT: thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.(vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2017, Lương Anh T và chị Đào Thị Tr quen biết nhau. Mặc dù không có chức năng xin việc hay tuyển dụng nhưng khi biết con trai chị Tr có nhu cầu muốn tìm việc làm nên T nói với chị Tr mình có người quen là ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 làm việc ở Văn phòng Chính Phủ có khả năng xin cho anh Ch làm an ninh tại sân bay Nội Bài, thành phố Hà Nội với chi phí hết 650.000000 đồng. T nói với

chị Tr đưa trước số tiền 300.000000 đồng khi nào xin được việc cho anh Ch sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Do tin tưởng T nên chị Tr đồng ý. Khoảng 09 giờ ngày 04/8/2018, T một mình đi xe mô tô điện, biển kiểm soát 89MĐ1- 044.59 từ thôn A, xã Nh, huyện T, tỉnh Hưng Yên đến nhà bà Đỗ Thị Tr1 (mẹ của chị Tr), sinh năm 1948 trú tại thôn V, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Tại bàn uống nước bằng gỗ ngoài sân nhà bà Trình, chị Tr đưa cho T 01 bộ hồ sơ xin việc còn T ngồi viết giấy nhận tiền. Chị Tr xem xong nội dung giấy nhận tiền và đưa anh Đào Trung K (là em trai chị Tr), sinh năm 1984, Trú tại: thôn V, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ký xác nhận vào phần người làm chứng trong giấy nhận tiền xin việc đề ngày 04/8/2018. Sau đó, T và anh K đi vào phòng khách trong nhà 02 tầng ngồi tại bàn uống nước để chị Tr đưa tiền cho T. Tại đây, chị Tr đưa cho T 01 túi nilon bên trong 300.000.000 đồng gồm các tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 T nhận đủ tiền rồi đi về nhà. Đến trưa cùng ngày, T một mình bắt xe bus (không nhớ biển số) lên khu vực gần cổng Văn phòng Chính Phủ, địa chỉ số 01 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội gặp ông Nguyễn Văn Th. Tại ghế đá cách cổng nhà khách Văn phòng Chính Phủ khoảng 20m, T đưa cho ông Thuận 01 bộ hồ sơ và số tiền 300.000.000 đồng. Ông Thuận nói khi nào xong việc sẽ đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng.

Quá thời gian như đã hứa hẹn thấy T không xin được việc cho anh Ch và cũng không trả lại tiền, chị Tr đã nhiều lần đòi lại tiền, nhưng T không trả. Đến ngày 10/9/2019, T đã trả chị Tr số tiền 145.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/10/2019 sẽ trả số tiền còn lại nhưng đến ngày 06/01/2020 T vẫn không trả chị Tr tiền nên chị Tr đã làm đơn trình báo nội dung sự việc đến Công an thành phố Hưng Yên.

Vật chứng thu giữ: 01 Giấy nhận tiền đề ngày 04/8/2018; 01 Giấy hẹn trả tiền đề ngày 08/4/2019; 01 Giấy cam kết trả tiền đề ngày 25/7/2019; 01 Giấy trả tiền đề ngày 10/9/2019.

Tại bản Kết luận giám định số 43/PC09 ngày 02/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ ký đứng tên Lương Anh T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4 so với chữ ký của Lương Anh T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra; Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 có nội dung: "Cộng hòa xã hội...Hưng Yên ngày 04/8/2018"; A2, A3 có nội dung: Cộng hòa xã hội...Hưng Yên: 10/9/2019" và A4 so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra T khai: Sau khi nhận bộ hồ sơ và số tiền 300.000.000 đồng của chị Tr, T đã đến gặp 01 người đàn ông tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 (T không biết quê quán, nhà và nơi làm việc cụ thể ở đâu) mà chỉ nghe ông Thuận nói làm việc tại Văn phòng Chính Phủ. T đã đưa toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ cho ông Thuận để nhờ xin việc cho con trai chị Tr. Việc giao tiền, hồ sơ không có ai chứng kiến, không viết giấy nhận tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Văn phòng

Chính Phủ nhưng không có người nào có tên, đặc điểm như trên làm việc tại đây nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 10/9/2019, bà Đoàn Thị T (là mẹ đẻ của T) đã cho T số tiền 150.000.000 đồng để T khắc phục hậu quả cho chị Tr, bà Tính không có yêu cầu đề nghị gì về số tiền này. Sau khi nhận tiền từ bà Tính, T đã tự nguyện trả số tiền 145.000.000 đồng cho chị Tr còn 5.000000 đồng T chi tiêu cá nhân; Ngày 07/8/2020, bà Tính đã thay bị cáo T bồi thường số tiền còn thiếu cho chị Tr là 155.000.000 đồng. Chị Tr đã nhận đủ tiền, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 30/QĐ-VKS-HS ngày 13/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Lương Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối hận và hành vi phạm tội của mình; đồng ý với cáo trạng VKSND thành phố Hưng Yên đã truy tố và đề nghị HĐXX xem xét áp dụng hình phạt thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo theo bản cáo trạng, đồng thời đề nghị: HĐXX Tuyên bố bị cáo Lương Anh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Về điều luật áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lương Anh T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 27/02/2020. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hưng Yên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục như ban hành các quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và các điều luật áp dụng:

[2.1] Về hành vi phạm tội: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo cơ quan điều tra và tại phiên tòa; lời khai của người bị hại; người làm chứng và các chứng cứ như giấy nhận tiền; Bản kết luận số 43/PC09 ngày 02/02/2020 Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Hưng Yên và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 04/8/2018, tại nhà bà Đỗ Thị Tr1 ở thôn V, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, Lương Anh T đã dùng thủ đoạn gian dối tạo niềm tin thông qua việc hứa hẹn xin việc cho con trai chị Đào Thị Tr làm an ninh sân bay Nội Bài để chiếm đoạt số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) của chị Đào Thị Tr. Hành vi nêu trên của bị cáo đã thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, với khoản tiền chiếm đoạt như đã nêu trên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên truy tố về bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là chính xác và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khi quyết định hình phạt.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình; bị cáo đã bồi thường và tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có nội dung đề nghị áp dụng hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo; Ngoài ra, bị cáo có vợ được tặng thưởng Giấy khen trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh năm 2010 và được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục năm 2019 nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những phân tích, lập luận nêu trên, khi quyết định hình phạt HĐXX thấy: Do bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liên kề của điều luật thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật XHCN và vẫn đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[6] Về biện pháp tư pháp: không áp dụng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo **Lương Anh T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lương Anh T 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 27/02/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét giải quyết.

4. Về biện pháp tư pháp: không áp dụng.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo Lương Anh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm, xét xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại; Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng NV - KT, TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND TP. Hưng Yên;
- Công an TP. Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP. Hưng Yên;
- Bị cáo; Bị hại, các đương sự khác;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thúy Hà